TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2023/HNGĐ-PT Ngày 12 - 4 – 2023	
V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Tăng

Bà Vũ Thị Nga

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Thuận, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Ông Nguyễn Thanh Hà, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06 và 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "chia tài sản sau khi ly hôn".

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2022/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Đình Kh, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tiểu khu II, khu H, thị trấn V, huyện T, tỉnh H; *"có mặt"*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình Ch, sinh năm 1938; Địa chỉ: Thôn 1, xã Hạ Lễ, huyện A, tỉnh H (Văn bản ủy quyền ngày 31 tháng 5 năm 2021); *"vắng mặt"*

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tiểu khu II, khu H, thị trấn V, huyện T, tỉnh H; *"có mặt"*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị L, sinh năm 1958; *"vắng mặt"*

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1934; *"vắng mặt"*

Đều địa chỉ: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh H.

3. Ông Lương Văn Ch, sinh năm 1961; Địa chỉ: thôn L, xã N, huyện T, tỉnh H; *"vắng mặt"*

4. Anh Vũ Văn T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Đội 6, xã D, huyện T, tỉnh H; *"vắng mặt"*

5. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; *"vắng mặt"*

6. Chị Đoàn Thị D, sinh năm 1976; *"vắng mặt"*

Đều địa chỉ: 19/12 đường T, tổ 8, khu phố 2, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:* Chị Đặng Thị Lan Ph, sinh năm 1971; Địa chỉ: thôn M, xã H, huyện T, tỉnh H; *"vắng mặt"*

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Hoàng Đình Kh và bị đơn chị Nguyễn Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2017 và các văn bản bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hoàng Đình Kh trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị S đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 83/2016/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ , tỉnh Hưng Yên. Sau khi ly hôn, do không thỏa thuận được về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên anh Kh khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung gồm có: Diện tích 100m^2 đất ở tại thửa số 624, tờ bản đồ số 12, tại khu II, khu H, thị trấn V, huyện T, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đứng tên hai vợ chồng; trên đất có ngôi nhà mái bằng 02 tầng, bể nước, nhà vệ sinh, 01 gian nhà mái bằng; 06 sổ tiết kiệm trị giá 615.000.000 đồng đứng tên chị S nhưng đã rút ra quản lý riêng, trong đó có 01 sổ tiết kiệm trị giá 30.000.000 đồng chị S nói gửi hộ mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị B anh tự nguyện không yêu cầu giải quyết, còn lại số tiền 858.000.000 đồng anh xác định là tài sản chung. Anh và chị S còn bán một đàn vịt được 40.000.000 đồng, hiện anh là người quản lý; Chị S đang cầm số tiền 28.000.000 đồng cho thuê nhà. Đối với một số bất động sản như ti vi, xe máy, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình và cây bạch đàn trồng trên phần đất ruộng của anh T và chị D hai bên đã tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với một số tài sản như máy bán bia hơi, máy bơm, máy nén khí để rửa xe máy, chị

S đang quản lý. Anh đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với chị S theo pháp luật, anh có nhu cầu được sử dụng toàn bộ nhà đất và thanh toán trả tiền chênh lệch cho chị S.

Tại bản tự khai và các các văn bản bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Tài sản chung của chị và anh Kh gồm có: Diện tích 100m^2 đất ở có nguồn gốc do chị bán đất riêng của mình có trước khi kết hôn với anh Kh để mua, chị đồng ý nhập vào tài sản chung và đã được cấp sổ đỏ mang tên hai người. Khi phân chia chị yêu cầu được sử dụng phần đất nhiều hơn anh Kh vì đất có nguồn gốc của riêng chị. Trên đất chị và anh Kh đã xây dựng được ngôi nhà 02 tầng mái bằng, bể nước, nhà vệ sinh, 01 gian nhà mái bằng. Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Kh còn xây được 01 lán lợp mái tôn, nhà vệ sinh, tường bao, bể nước trên phần đất của mẹ đẻ anh Kh ở phố Minh Khai, thị trấn Vương. Chị yêu cầu phân chia khối tài sản trên đất, riêng đất không yêu cầu vì vẫn là của gia đình anh Kh chưa cho. Anh Kh còn đang quản lý số tiền cho thuê lán 12.000.000 đồng. Đối với số tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng, chị xác định chỉ có 02 sổ tiết kiệm 70.000.000 đồng và 196.000.000 đồng là tài sản chung. Sổ tiết kiệm 300.000.000 đồng là tiền của vợ chồng em trai chị là Nguyễn Văn T và Đoàn Thị D đang sinh sống tại Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh đem về mua đất nhưng chưa mua được nên nhờ chị gửi tiết kiệm hộ, 01 sổ tiết kiệm 30.000.000 đồng chị gửi hộ mẹ đẻ là Nguyễn Thị B, 01 sổ 8.000.000 đồng và 01 sổ 12.000.000 đồng chị gửi hộ chị dâu con bác ruột là Trần Thị L. Chị đã rút 04 sổ trả tiền cho vợ chồng anh T, bà B, chị L, 01 sổ tiết kiệm 196.000.000 đồng rút ra cả gốc lãi được 200.000.000 đồng đem gửi Quỹ tín dụng nhân dân xã Dị Chế làm 2 sổ, mỗi sổ 100.000.000 đồng, sau đó rút về thì bị anh Kh lấy đi hết. Chị đã làm đơn đề nghị Công an huyện Tiên Lữ điều tra và bí mật ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa chị với anh Kh, trong cuộc nói chuyện anh Kh đã thừa nhận lấy 200.000.000 đồng. Hiện chị còn quản lý 01 sổ tiết kiệm 70.000.000 đồng. Ngoài ra anh Kh còn lợi dụng lúc chị ngủ say lấy chìa khóa mở két sắt lấy đi 08 cây vàng 9999, tiền mặt 40.000.000 đồng, bìa đỏ, sổ hộ khẩu. Chị cũng đã bí mật ghi âm cuộc nói chuyện với anh Kh thừa nhận lấy 08 cây vàng, tiền mặt 40.000.000 đồng và đã giao nộp cho Tòa án 02 USB. Chị đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung theo pháp luật và xác định anh Kh lấy 08 cây vàng, số tiền mặt 240.000.000 đồng và đang giữ 40.000.000 đồng tiền bán vịt, anh Kh phải thanh toán trả cho chị một nửa số tiền vàng đang quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T và chị Đoàn Thị D trình bầy: Vợ chồng anh chị có nhờ chị S gửi tiết kiệm hộ số tiền 300.000.000 đồng vì chưa mua được đất ở quê. Sau đó chị S đã gửi tiết kiệm và trả đủ cho vợ chồng anh chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bầy: Bà tích cóp được số tiền 30.000.000 đồng và nhờ con gái là chị S gửi tiết kiệm hộ phòng

khi tuổi già ốm đau. Bà không yêu cầu giải quyết về số tiền trên vì đó là việc cá nhân giữa hai mẹ con bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bầy: Bà có đưa cho chị S số tiền 20.000.000 đồng làm hai lần, lần một 12.000.000 đồng, lần hai 8.000.000 đồng nhờ gửi tiết kiệm hộ. Bà không yêu cầu giải quyết về số tiền trên vì đó là việc cá nhân, hai bên tự giải quyết với nhau.

Tại phiên tòa ngày 24 và 27/10/2017 anh Kh thừa nhận giọng nói trong 02 USB do anh cung cấp 01 chiếc, chị S cung cấp 01 chiếc là của anh, chị ghi âm để đối phó với nhau, không có việc anh lấy số tiền 200.000.000 đồng, 08 cây vàng 9999, số tiền 40.000.000 đồng. Đối với số tiền gửi tiết kiệm anh Kh yêu cầu cộng tất cả các lần gửi và rút ra của chị S là hơn 2,5 tỉ đồng và phân chia theo pháp luật. Chị S trình bầy có gửi vào rồi lại rút ra nhiều lần để chi cho việc chữa trị sinh con, không có số tiền hơn 2,5 tỉ đồng như anh Kh trình bầy.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 22/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 29, 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Đình Kh.

Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị S tố cáo anh Hoàng Đình Kh lấy số tiền 200.000.000 đồng là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân; không chấp nhận việc chị Nguyễn Thị S tố cáo anh Hoàng Đình Kh lấy 08 cây vàng 9999 và số tiền 40.000.000 đồng là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Hoàng Đình Kh và chị Nguyễn Thị S gồm: 100m^2 đất ở trị giá 700.000.000 đồng và tài sản trên đất là ngôi nhà mái bằng hai tầng trị giá 299.000.000 đồng, 01 bể nước mưa trị giá 6.200.000 đồng, 01 gian nhà mái bằng một tầng trị giá 34.000.000 đồng; 01 lán lợp tôn, nhà vệ sinh, tường bao, bể nước, bể ngầm xây trên đất của mẹ đẻ anh Kh trị giá 122.396.000 đồng; Tiền bán vịt 40.000.000 đồng; 01 máy ép nước mía trị giá 500.000 đồng; 01 máy nén khí trị giá 500.000 đồng; 01 máy bơm nước rửa xe trị giá 1.000.000 đồng; 01 máy bán bia hơi trị giá 1.000.000 đồng; số tiền gốc 586.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện Tiên Lữ và tiền lãi 14.189.000 đồng, cộng bằng 600.189.000 đồng.

Xác định chị Nguyễn Thị S đang quản lý số tiền 400.189.000 đồng; anh Hoàng Đình Kh quản lý số tiền 200.000.000 đồng và 40.000.000 đồng tiền bán vịt, cộng bằng 240.000.000 đồng.

Phân chia cho anh Hoàng Đình Kh diện tích đất ở 43m^2 tại tờ bản đồ số 12, thửa số 264 bản đồ địa chính thị trấn V, huyện T trị giá 301.000.000 đồng, trên đất

có 01 bể nước mưa trị giá 6.200.000 đồng, 01 gian nhà mái bằng một tầng trị giá 34.000.000 đồng; 01 lán lợp tôn, nhà vệ sinh, tường bao, bể nước, bể ngầm xây trên đất của mẹ đẻ anh Kh trị giá 122.396.000 đồng và số tiền 240.000.000 đồng anh Kh đang quản lý. Tổng giá trị tài sản anh Kh được phân chia là 703.596.000 đồng.

Phân chia cho chị Nguyễn Thị S diện tích đất ở 75m^2 tại tờ bản đồ số 12, thửa số 264 bản đồ địa chính thị trấn V, huyện T trị giá 399.000.000 đồng, trên đất có ngôi nhà mái bằng trị giá 299.000.000 đồng; 01 máy ép nước mía trị giá 500.000 đồng; 01 máy nén khí trị giá 500.000 đồng; 01 máy bơm nước rửa xe trị giá 1.000.000 đồng và số tiền 400.189.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chị S được phân chia là 1.101.189.000 đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị S phải trả chênh lệch về tài sản được hưởng nhiều hơn cho anh Hoàng Đình Kh số tiền 150.000.000 đồng.

Chị S phải tháo dỡ phần ô văng đua ra với chiều rộng 1,3m tại tầng 2 phía sau ngôi nhà mái bằng để trả lại không gian chiều cao đối với phần đất anh Kh được chia.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 11 năm 2017 anh Hoàng Đình Kh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử: Chấp nhận cho anh được sử dụng toàn bộ phần diện tích đất và tài sản tọa lạc trên diện tích 100m^2 tại tiểu khu II, thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; chấp nhận số tài sản chung của vợ chồng trong ngân hàng là 2.530.000.000 đồng và yêu cầu được chia đôi số tài sản này; bác bỏ phần quyết định của bản án sơ thẩm xác định anh đang quản lý, chiếm giữ và sử dụng số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 06 tháng 11 năm 2017 chị Nguyễn Thị S kháng cáo một phần của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Đưa chị Đặng Thị L Phượng vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng; công nhận 08 cây vàng 9999 và số tiền mặt 40.000.000 đồng mà anh Hoàng Đình Kh đã lấy là tài sản chung của vợ chồng; Công nhận số tiền 320.000.000 đồng là của bà Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T.

Tại Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 02/2018/HNGĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị S và anh Hoàng Đình Kh. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định số 27/2020/KN-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 02/2018/HNGĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên về vụ án "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn" giữa nguyên đơn anh Hoàng Đình Kh và chị Nguyễn Thị S; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 02/2018/HNGĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên và Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 36/2020/HNGĐ-GĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định:

1. Hủy toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 02/2018/HNGĐ-PT ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên và Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2017/HNGĐ-ST ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên về vụ án "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn" giữa nguyên đơn anh Hoàng Đình Kh và chị Nguyễn Thị S.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên đã thụ lý lại vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của nguyên đơn anh Hoàng Đình Kh:

Trong thời kỳ hôn nhân anh Kh và chị S có các tài sản chung gồm:

Về đất, công trình xây dựng trên đất: Diện tích 100m^2 đất tại khu H, thị trấn V, huyện T, tỉnh H, đất đã được cấp GCNQSDĐ; Trên đất có 01 nhà mái bằng 02 tầng khoảng 60m^2, nhà xây năm 2011; 01 nhà mái bằng (nhà ngang), 01nhà vệ sinh, 01 bể nước…

Ngoài 100m^2 đất đã được cấp GCNQSDĐ, trong quá trình sử dụng đất anh chị đã lấn chiếm ra đất tập thể nên diện tích thực tế lớn hơn 100m^2. Trên phần đất lấn chiếm anh chị có xây dựng nhà vệ sinh, bể nước. Đối với phần đất này anh không đề nghị giải quyết, còn nhà vệ sinh và bể nước nếu địa phương yêu cầu tháo dỡ trả lại đất cho tập thể thì anh chị sẽ chấp hành.

* Công trình xây dựng trên diện tích đất của mẹ anh Kh tại phố M, khu H, thị trấn V, huyện T gồm: 01 lán lợp tôn diện tích 64m^2, tường bao, bể nước không nắp đậy, bể nước ngầm và công trình phụ phía sau lán. Theo anh Kh tổng giá trị

hiện tại là 50.000.000 đồng, anh Kh đề nghị chia đôi cho anh Kh và chị S mỗi người hưởng 1/2 bằng 25.000.000 đồng.

* Về các tài sản khác:

- Số tiền 2.530.000.000 đồng đã giao dịch gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp huyện T từ năm 2008 đến năm 2016, chị S là người trực tiếp giao dịch. Theo các sổ tiết kiệm chị S đứng tên thì chị S đang quản lý số tiền 600.198.000đ. Số tiền còn lại chị S gửi tiết kiệm ở đâu hay gửi ai thì anh Kh không nắm được.

- Số tiền 40.000.000 đồng bán vịt cho anh Vũ Anh T. Số tiền này anh T vẫn nợ.

- 02 chiếc xe máy Air blade. Anh Kh đang sử dụng xe máy có biển số 29H1 027.04, giấy tờ xe chị S giữ, còn chị S đang sử dụng xe máy có biển số 89H1 069.59.

- Các đồ dùng sinh hoạt khác: 02 giường đôi; 03 chiếc máy điều hòa; 02 bộ giàn, loa máy phòng hát; 01 tủ thờ gỗ; 01 tủ đứng; 01 kệ để ti vi bằng kính; 01 bộ bàn ghế sô pha; 01 máy bia và chai C; 01 bộ Camera 3 mặt; 01 bộ bơm rửa xe và bình nén khí; 02 két sắt; 01 ti vi nhãn hiệu Shap; 03 máy ép nước mía;

Quan điểm của anh Kh về tài sản chung như sau:

- Đối với đất và công trình xây dựng trên đất đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- Đối với phần đất lấn chiếm anh Kh không đề nghị giải quyết, còn nhà vệ sinh và bể nước nếu địa phương yêu cầu tháo dỡ trả lại đất cho tập thể thì anh chị sẽ chấp hành.

- Số tiền 2.530.000.000 đồng gửi tiết kiệm và 40.000.000 đồng tiền bán vịt, anh Kh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với 02 chiếc xe máy thì mỗi người sử dụng 01 chiếc như hiện tại, anh Kh không đề nghị giải quyết. Tuy nhiên anh Kh đề nghị Tòa án buộc chị S phải trả cho anh giấy tờ chiếc xe máy anh đang sử dụng.

- Đối với các đồ dùng sinh hoạt khác do lâu ngày giá trị sử dụng không lớn nên anh Kh không yêu cầu giải quyết.

Việc chị S cho rằng anh Kh đã lấy 200.000.000 đồng trong tổng số tiền chung của chị S và gửi ông Lương Văn Ch là không có căn cứ.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 anh Kh có đơn khởi kiện bổ sung có nội dung: Trong thời gian anh chung sống cùng chị S, do chị S là người quản lý toàn bộ kinh tế gia đình nên anh không biết chị S đã mua và cất giữ được bao nhiêu vàng. Tối ngày 10 tháng 12 năm 2016 anh và chị S nói chuyện thì chị S đã thừa nhận chị S đã lấy 15 cây vàng loại 9999 và gần 100.000.000 đồng cất giấu đi nơi khác. Lúc đó

anh mới biết ngoài số tài sản chung như đã kê khai trên thì anh chị còn có số tiền, vàng này. Anh đã ghi âm được lời thừa nhận của chị S. Giá trị một cây vàng là 60.000.000 đồng, tổng 15 cây vàng có giá trị 900.000.000 đồng. Do chị S không nói cụ thể đã lấy bao nhiêu tiền mà chỉ nói là lấy "gần 100.000.000 đồng" nên anh tự nguyện xác định chị S đã lấy 96.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền, vàng chị S đã lấy có giá trị là 996.000.000 đồng. Anh đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi, anh và chị S mỗi người 1/2.

Quan điểm của bị đơn chị Nguyễn Thị S:

Chị S xác định diện tích 100m^2 đất tại khu H, thị trấn V, huyện T, tỉnh H, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản riêng của chị nên không nhất trí phân chia cho anh Kh.

Chị S xác định chị và anh Kh có các tài sản gồm: 01 ngôi nhà mái bằng 02 tầng ; 01 nhà mái bằng (nhà ngang); 01 nhà vệ sinh, 01 bể nước …được xây vào năm 2011 xây trên diện tích đất 100m^2 đất tại khu bờ sông H, thị trấn V, huyện T, tỉnh H. Trong quá trình xây dựng các công trình trên đất chị và anh Kh có xây lấn sang phần đất dôi dư của tập thể khoảng hơn 10m^2. Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm, chị có xây thêm nhà vệ sinh ở tầng 1 và tầng 2 của nhà hai tầng, làm mái vẩy lợp tôn lạnh phía trước cửa nhà, làm mái vẩy lợp tôn thường ở phía tây nhà hai tầng.

Chị S đề nghị Tòa án phân chia tài sản trên đất nói trên theo quy định của pháp luật. Riêng phần đất dôi dư mà chị và anh Kh đã xây dựng công trình chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong trường hợp Nhà nước có yêu cầu, thông báo thu hồi thì chị sẽ tự nguyện tự tháo dỡ tài sản xây dựng trên đất tập thể để trả lại Nhà nước. Riêng phần chị xây dựng thêm sau khi xét xử phúc thẩm, chị xác định là tiền riêng của chị không liên quan đến anh Kh nên không đề nghị giải quyết.

- Công trình xây dựng trên diện tích đất của mẹ anh Kh tại phố M, khu H, thị trấn V, huyện T gồm: 01 lán lợp tôn diện tích 64m^2, tường bao, bể nước không nắp đậy, bể nước ngầm và công trình phụ phía sau lán. Chị không nhất trí việc anh Kh xác định tổng giá trị là 50.000.000 đồng. Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

- Về các tài sản khác: Chị và anh Kh có 01 sổ tiết kiệm gửi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện T số tiền 296.000.000 đồng; tiền bán vịt 40.000.000 đồng cho anh Vũ Anh T là cháu anh Kh; 08 cây vàng 9999 và tiền mặt 40.000.000 đồng để trong két; tiền cho thuê nhà 12.000.000 đồng. Hiện chị chỉ cầm 96.000.000 đồng, số tiền, vàng còn lại do anh Kh đang quản lý sử dụng. Nay chị đề nghị chia đôi mỗi người được hưởng 1/2 số tiền, vàng trên.

Việc anh Kh xác định chị và anh Kh có số tiền gửi tiết kiệm là 2.530.000.000 đồng là không có căn cứ. Anh Kh đã cộng dồn các lần gửi tiết kiệm

rồi rút ra gửi lại từ năm 2008 đến năm 2016. Trên thực tế anh chị chỉ có khoản tiền như đã trình bầy ở trên.

- Ngoài ra chị có quản lý 300.000.000 đồng là tiền của em trai chị tên Nguyễn Văn T đưa cho chị nhờ mua đất hộ nhưng không mua được, sau đó chị đã gửi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Tiên Lữ; gửi ngân hàng hộ chị Trần Thị L là chị dâu con bác ruột chị 20.000.000 đồng. Khi chị và anh Kh xảy ra mâu thuẫn thì chị đã rút số tiền 300.000.000 đồng trả cho anh T và 20.000.000 đồng trả chị L. Do vậy đến nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền này vì đó không phải là tiền của chị và anh Kh.

- Các đồ dùng sinh hoạt khác: 02 giường đôi; 03 chiếc máy điều hòa; 02 bộ giàn, loa máy phòng hát; 01 tủ thờ gỗ; 01 tủ đứng; 01 kệ để ti vi bằng kính; 01 bộ àn ghế sô pha; 01 máy bia và chai C; 01 bộ Camera 3 mặt; 01 bộ bơm rửa xe và bình nén khí; 02 két sắt; 01 ti vi nhãn hiệu Shap; 03 máy ép nước mía.

Đối với các tài sản này chị nhất trí với ý kiến của anh Kh là không đề nghị giải quyết.

Đối với 02 chiếc xe máy Air Blade. Chị nhất trí với ý kiến của anh Kh là mỗi người sử dụng một chiếc như hiện tại và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giấy tờ xe anh Kh đang sử dụng chị không giữ mà anh Kh giữ.

Đối với việc anh Kh cho rằng chị lấy 15 cây vàng loại 9999 và số tiền gần 100.000.000 đồng là tài sản chung của chị và anh Kh: Mặc dù chị và anh Kh đã ly hôn từ tháng 10 năm 2016 nhưng anh Kh vẫn ăn ngủ tại nhà chị đến Tết Nguyên đán năm 2017 thì mới không sống chung cùng nhau nữa. Trong thời gian ở lại cùng chị, anh Kh thường hay gợi hỏi chị về tài sản chung là tiền và vàng. Anh Kh thường gợi hỏi hoặc chọc tức chị vào những lúc như đang ăn và có uống rượu, bia hoặc khi đang ngủ chung. Chị biết ý định của anh Kh sẽ ghi âm làm bằng chứng để yêu cầu chia sản chung. Tối ngày 10 tháng 12 năm 2016 chị và anh Kh có nằm ngủ cùng nhau ở phòng trọ của nhà chị. Anh Kh đã gợi ý nói về tiền vàng nên cả hai đã cãi nhau. Chị có nói với anh Kh là *"Tao thật thà nên tao bảo mày lấy 08 cây vàng, nếu tao như người khác đểu giả, tao vu cho mày lấy 15 cây vàng thì mày bảo sao"*, thì anh Kh có nói *"Tao đổ cho mày lấy 15 cây vàng và gần 100 triệu đồng đấy"*, chị biết anh Kh đang ghi âm nên đã chọc tức và trả lời "*Tiền vàng nhiều lắm, tôi lấy trong két sắt đi 15 cây, tiền tôi lấy 100 triệu đấy, để ở đâu à, để ở đâu cũng được, không cần biết, muốn ghi âm à, ghi âm thì cứ ghi*…". Chính vì vậy anh Kh mới có đoạn ghi âm để xuất trình cho Tòa án. Ngày 01 tháng 10 năm 2016 anh Kh cậy két sắt lấy đi 08 cây vàng và 40 triệu đồng của chị. Bản thân chị đã làm đơn tố cáo anh Kh đến Công an huyện T giải quyết. Anh Kh đã lấy hết tiền, vàng từ ngày đó thì làm sao còn tiền vàng để đến tháng 12 năm 2016 cho chị lấy nữa. Hoặc nếu chị cất giấu trước ngày 01 tháng 10 năm 2016 thì sẽ cất giấu hết chứ không để lại 08 cây vàng và 40 triệu đồng để anh Kh lấy đi vào ngày 01 tháng 10 năm 2016.

Bản thân anh Kh cũng không chứng minh được chị lấy tiền vàng vào ngày, giờ cụ thể nào. Do vậy việc anh Kh khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của chị và anh Kh gồm 15 cây vàng và 100.000.000 đồng là không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn Chỉnh trình bầy:

Ông là anh rể của anh Hoàng Đình Kh. Ngày 11 tháng 11 năm 2016 ông có gửi tiết kiệm tại Quỹ tín dụng nhân dân xã N số tiền 200.000.000 đồng, kỳ hạn gửi là 03 tháng. Nguồn gốc số tiền này là do vợ chồng lao động, sản xuất mà có. Số tiền này không liên quan đến vợ chồng anh Kh, chị S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L, bà Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Văn T, chị Đoàn Thị D vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy trên và đều đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Anh T không có mặt tại địa phương nên không tiến hành lấy lời khai của anh T được.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2022/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022, Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Căn cứ Điều 29, Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân gia đình; Điều 213, Điều 219, Điều 220 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Đình Kh.

[2] Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị S tố cáo anh Hoàng Đình Kh lấy số tiền 200.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

[3] Không chấp nhận việc chị Nguyễn Thị S tố cáo anh Hoàng Đình Kh lấy 08 cây vàng 9999 và số tiền 40.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

[4] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của anh Kh tố cáo chị Nguyễn Thị S lấy 15 cây vàng 9999 và số tiền gần 100.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

[5] Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh Kh và chị S gồm: 100m^2 đất ở tại thửa số 642, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính thị trấn V, huyện T, tỉnh H, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu II, khu H, thị trấn V, huyện T, tỉnh H. Đất trị giá 1.450.000.000 đồng; Trên diện tích 100m^2 có: 01 ngôi nhà 02 tầng trị giá 350.268.000 đồng, 01 bể nước trị giá 5.000.000 đồng, 01 nhà mái bằng trị giá 33.453.000 đồng;

Công trình xây dựng trên đất của bà Nguyễn Thị V mẹ đẻ anh Kh tại thửa 347, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, địa chỉ thửa

đất: phố M, thị trấn V, huyện T, tỉnh H, gồm: 01 ngôi nhà lợp tôn, trần nhựa; công trình phụ; tường bao; bể nước; bể nước ngầm; tổng trị giá 105.882.000 đồng;

- Số tiền gốc gửi Ngân hàng 586.000.000 đồng + 14.189.0000 đồng tiền lãi = 600.189.000 đồng;

- Tiền bán vịt 40.000.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản và tiền là: 2.584.792.000 đồng.

Xác định chị S đang quản lý số tiền 400.189.000 đồng; anh Kh đang quản lý số tiền 200.000.000 đồng và 40.000.000 đồng tiền bán vịt, cộng bằng 240.000.000 đồng .

Giao cho anh Hoàng Đình Kh quản lý sử dụng 37,9m^2 đất ở tại thửa số 642, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính thị trấn V, huyện T, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu II, khu H, thị trấn V, huyện T, tỉnh H, trị giá 549.550.000 đồng. Sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 bể nước trị giá 5.000.000 đồng; 01 nhà mái bằng trị giá 33.453.000 đồng; Sở hữu công trình xây dựng trên đất của bà Nguyễn Thị V mẹ đẻ anh Kh tại thửa 347, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, địa chỉ thửa đất: phố M, thị trấn V, huyện T, tỉnh H, gồm: 01 ngôi nhà lợp tôn, trần nhựa, công trình phụ, tường bao, bề nước, bể nước ngầm tổng trị giá 105.882.000 đồng; Sở hữu số tiền 240.000.000 đồng đang quản lý. Tổng giá trị tài sản anh Kh được chia là 933.885.000 đồng *(Chín trăm ba mươi ba triệu tám trăm tám mươi năm ngàn đồng).*

Giao cho chị Nguyễn Thị S được quản lý và sử dụng 62,1m^2 đất ở tại tờ bản đồ số 12, thửa số 642 tờ bản đồ địa chính thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu II, khu H, thị trấn V, huyện T, tỉnh H, trị giá 900.450.000 đồng. Sở hữu tài sản trên đất gồm: ngôi nhà 2 tầng trị giá 350.268.000 đồng. Sở hữu số tiền 400.189.000 đồng đang quản lý. Tổng giá trị tài sản chị S được chia là 1.650.907.000 đồng *(Một tỉ sáu trăm năm mươi triệu chín trăm linh bảy ngàn đồng).*

Đối trừ chênh lệch giá trị tài sản được hưởng, chị S phải trả cho anh Hoàng Đình Kh số tiền 358.511.000 đồng (*Ba trăm năm mươi tám triệu năm trăm mươi một ngàn đồng).*

(Có sơ đồ phân chia đất, tài sản trên đất kèm theo).

Bản án còn quyết định về án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022, nguyên đơn anh Hoàng Đình Kh kháng cáo đề nghị tòa phúc thẩm chia đôi đất và nhà; số tiền 2.530.000.000 đồng chị S tẩu tán và số tiền 96.000.000 đồng cùng 15 cây vàng tổng trị giá 01 tỷ đồng chị S phải chia

trả anh ½ giá trị và mỗi người phải chịu trách nhiệm ½ với số tiền anh T chưa trả. Cấp sơ thẩm giao anh số tiền 200.000.000 đồng và tài sản trên đất của mẹ anh là không đúng vì đã có kết luận của Công an.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, Bị đơn chị Nguyễn Thị S kháng cáo đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Các đương sự giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Anh Hoàng Đình Kh trình bày giữ nguyên lời khai về tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Tài sản chung gồm số tiền gửi tiết kiệm là 2.350.000.000 đồng và số tiền, vàng đang quản lý trị giá 01 tỷ đồng. Anh đề nghị được nhận đất và nhà cấp sơ thẩm giao chị S, chị S quản lý đất và tài sản trên đất cấp sơ thẩm giao cho anh và anh trả chênh lệch tài sản cho chị S số tiền 500 triệu đồng hoặc anh quản lý sử dụng toàn bộ đất cùng tài sản trên đất và trả chị S chênh lệch tài sản số tiền 01 tỷ đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Theo quyết định không khởi tố vụ án của Công an huyện Tiên Lữ đã có căn cứ xác định anh Kh không quản lý số tiền 200.000.000 đồng như chị S trình bày. Cấp sơ thẩm chia hiện vật là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị S xác định anh Kh quản lý tài sản chung là số tiền 200.000.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ chứng cứ, lời trình bầy của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của anh Kh xác định tài sản chung của vợ chồng là số tiền gửi tiết kiệm 2.530.000.000 đồng thấy theo bảng sao kê của Ngân hàng cung cấp về số tiền gửi tiết kiệm trong thời kỳ hôn nhân các năm 2008, 2009, 2013, 2014,

2015 thể hiện ngày 20/10/2008 gửi 140.000.000 đồng, ngày 20/01/2009 rút 145.075.000 đồng; Ngày 20/01/2009 gửi 140.000.000 đồng, ngày 23/01/2009 rút 140.317.400 đồng; Từ ngày 23/01/2009 đến 17/02/2013 không thực hiện giao dịch rút, gửi tiền. Ngày 03/10/2013 gửi 100.000.000 đồng, ngày 06/01/2014 rút 101.760.200 đồng. Ngày 06/01/2014 gửi 100.000.000 đồng, ngày 24/01/2014 rút 100.060.000 đồng; Ngày 02/02/2015 gửi 500.000.000 đồng, ngày 11/3/2015 rút 501.729.400 đồng. Ngày 11/3/2015 gửi 01 sổ 400.000.000 đồng, 1 sổ 100.000.000 đồng. Như vậy có cơ cơ sở xác định khoản tiền 140.000.000 đồng gửi ngày 20/10/2008; khoản 100.000.000 đồng gửi ngày 02/02/2015, khoản 500.000.000 đồng gửi ngày 02/02/2015 là một khoản tiền được gửi vào, rút ra nhiều lần. Anh Kh không đưa ra được chứng cứ chứng minh thu nhập, nguồn gốc số tiền gửi tiết kiệm mà cộng tổng các lần giao dịch gửi tiền, rút tiền để xác định số tiền gửi tiết kiệm của anh chị thành 2.530.000.000 đồng là không phù hợp, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh Kh là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của chị S xác định 01 sổ 300.000.000 đồng là của em trai Nguyễn Văn T mua đất không được nên nhờ gửi hộ; 01 sổ 30.000.000 đồng; 02 sổ 20.000.000 đồng gửi tiết kiệm hộ mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị B và chị dâu con bác ruột là chị Trần Thị L thấy anh Kh không biết việc chị S nhận gửi tiết kiệm hộ anh T, chị L và toàn bộ số tiền tiết kiệm đều đứng tên chị S, chị S xác định tiền của bà L, anh T nhờ gửi hộ nhưng không có căn cứ chứng minh trong khi chị S khai rút tiền đưa trả anh T không phù hợp với lời khai của anh T khai chị S rút tiền đưa cho anh Th, anh Th chuyển cho anh T. Mặt khác, chị S và anh T có quan hệ là chị em ruột, với bà L là chị em họ nên lời trình bày của anh Tiệp, bà Loát không khách quan. Đồng thời đối chiếu với các giao dịch ngân hàng do chị S cung cấp thể hiện ngày 14/3/2016 chị S gửi một sổ tiết kiệm 300.000.000 đồng và một sổ 196.000.000 đồng phù hợp với lời khai của chị Hoàng Thị Minh Kh có vay của vợ chồng S Kh 300.000.000 đồng và đã trả vào khoảng tháng 3/2016 nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị S là có căn cứ.

[4] Xét chị S thừa nhận tài sản chung có 02 sổ tiết kiệm 196.000.000 đồng và 70.000.000 đồng, và anh Kh chấp nhận biếu bà Bản 30.000.000 đồng đã có căn cứ xác định tổng số tiền chị S đứng tên trên 05 sổ tiết kiệm 586.000.000 đồng và tiền lãi 14.189.000 đồng, tổng cộng 600.189.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng.

[5] Đất ở thấy lời khai của chị S về nguồn tiền mua đất là của chị bán đất là tài sản riêng của chị có trước thời kỳ hôn nhân lấy tiền mua phù hợp với lời khai của ông Lương Văn S đã xác nhận năm 1993 có bán cho chị S mảnh đất có chiều rộng 13,55m và chiều dài là 10m, anh Nguyễn Văn Th có xác nhận khoảng năm 1997 anh có nhận chuyển nhượng của chị S mảnh đất có chiều rộng 5,5m, chiều dài 10m đã có căn cứ xác định nguồn tiền mua đất là do chị S bán đất là tài sản riêng của chị S trước khi kết hôn với anh Kh. Tuy nhiên giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất mang tên anh Kh và chị S đã có căn cứ xác định chị S đã đồng ý nhập vào khối tài sản chung của vợ chồng. Do vậy cấp sơ thẩm không chấp nhận việc chị S xác định thửa đất 100m^2 là tài sản riêng của chị có trước thời kỳ hôn nhân và không đồng ý chia là có căn cứ.

[6] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất có tổng diện tích 111m^2, sự thừa nhận của anh chị phù hợp với cung cấp của Ủy ban nhân dân thị trấn V có căn cứ xác định diện tích thừa so giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do anh Kh, chị S lấn chiếm đất tập thể về phía Bắc của thửa đất. Anh chị xác định tài sản trên diện tích lấn chiếm là 01 nhà vệ sinh, khi nào địa phương yêu cầu sẽ tự nguyện tháo dỡ để trả lại đất cho tập thể nên không xem xét giải quyết đối với diện tích đất dôi dư 11m^2 mà sẽ tạm giao cho người được chia quyền sử dụng đất tiếp giáp với diện tích này.

[7] Anh Kh xác định anh T còn nợ chưa trả số tiền 40.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh trong khi quá trình giải quyết sơ thẩm và phúc thẩm lần 1 anh đều thừa nhận quản lý số tiền này nên theo Điều 91, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự không có căn cứ chấp nhận lời khai của anh Kh.

[8] Về lời khai xác định anh Kh lấy số tiền 200.000.000 đồng đem gửi anh Lương Văn Ch sau đó anh Ch đem gửi tại Quỹ tín dụng nhân dân xã N của chị S, thấy nội dung ghi âm cuộc nói chuyện của chị S với anh Kh trong lúc ăn cơm, anh Kh đã gián tiếp thừa nhận lấy số tiền tại ngôi nhà chung ở Tiểu khu 2, khu H, đi xe máy về lán tại phố M cất, tắt điện thoại, khóa cửa ngoài rồi trèo tường phía sau vào nhà mẹ đẻ ngủ phù hợp với thức tế chiều ngày 10/11/2016 chị S rút 200.000.000 đồng gửi tại Quỹ tín dụng xã Dị Chế và phù hợp với kết quả xác minh tại Quỹ tín dụng nhân dân xã N ngày 11 tháng 11 năm 2016 ông Ch gửi số tiền tiết kiệm 200.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm xác định anh Kh đang quản lý tài sản chung số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh Kh về nội dung này.

[9] Chị S xác đinh anh Kh đang quản lý tài sản chung gồm 08 cây vàng 9999 và 40.000.000 đồng tiền mặt tổng trị giá 360.000.000 đồng thấy chị S chủ động bí mật ghi âm cuộc cãi nhau giữa hai người đều nói có 15 cây vàng và gần 100.000.000 đồng anh Kh phá két lấy đi hết nhưng tại Tòa án chị S lại nói có 8 cây vàng và 40.000.000 đồng tiền mặt anh Kh lấy đi. Nội dung ghi âm không thể hiện anh Kh thừa nhận lấy vàng, lấy tiền trong khi người làm chứng chị Phượng trình bày anh Kh gửi hộp vàng vào khoảng tháng 9 hoặc tháng 10 năm 2016 vào lúc nửa đêm, sáng sớm hôm sau anh Kh mang đi. Chị Ph trình bày có đếm lại vàng gồm dây chuyền, nhẫn tròn, vàng miếng tổng cộng 8 cây nhưng không lý giải được tại sao chị biết rõ là 8 cây vàng đồng thời khai của chị Ph mâu thuẫn khi thì nói được anh Kh gửi vàng rồi lấy đi đâu không rõ, khi thì nói anh Kh lấy vàng và đem vào nhà anh rể tên Ch ở N gửi đến phiên tòa lại khai khi gửi vàng anh Kh nói với chị là

08 cây vàng. Chị S không xuất trình được chứng cứ chứng minh trong khi anh Kh không thừa nhận nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị S là có căn cứ.

[10] Xét yêu cầu khởi kiện bổ sung của anh Kh chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm 15 cây vàng trị giá 900.000.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền mặt chị S đang giữ thấy anh Kh khai ngày 10/12/2016 đã ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa hai người, chị S nói trong đoạn ghi âm *"Tiền vàng nhiều lắm. Vàng tôi đã lấy trong két đi 15 cây. Tiền tôi lấy đi gần 100 triệu đấy. Để ở đâu à? Để ở đâu cũng được. Không cần biết. Muốn ghi âm à? Ghi âm thì cứ ghi,..."*. Tuy nhiên trước đó anh Kh có nói *"Tao đổ cho mày lấy 15 cây vàng và gần 100 triệu đồng đấy"*. Bản thân anh Kh khai trong quá trình chung sống với nhau, chị S là người quản lý kinh tế gia đình nên anh không biết vợ chồng có bao nhiêu tiền, vàng và anh cũng không xác định được số tiền cụ thể chị S lấy là bao nhiêu mà chỉ là *"gần 100 triệu"*. Anh Kh không đưa ra được căn cứ chứng minh nguồn gốc số vàng và tiền này trong khi chị S không thừa nhận nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bổ sung của anh Kh là có căn cứ.

[11] Các tài sản khác: Anh Kh, chị S không yêu cầu giải quyết đối với tài sản là động sản như điều hòa, máy bán bia, máy ép mía... 02 chiếc xe mô tô Honda Airblade nên cấp sơ thẩm không giải quyết là phù hợp pháp luật.

[12] Anh Kh không xuất trình được căn cứ chứng minh chị S quản lý giấy tờ chiếc xe anh đang sử dụng trong khi chị S không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu chị S trả giấy tờ xe mô tô của anh Kh.

[13] Như vậy có căn cứ xác định tài sản chung của anh Kh và chị S gồm 100m^2 đất ở trị giá 1.450.000.000 đồng. Tài sản trên đất: 01 ngôi nhà mái bằng 02 tầng trị giá 350.268.000 đồng; 01 bể nước mưa trị giá 5.000.000 đồng; 01 nhà mái bằng trị giá 33.453.000 đồng. Tài sản xây dựng trên đất của bà Nguyễn Thị Viện, mẹ đẻ anh Kh tại phố M, thị trấn V, huyện T, tỉnh H: Anh Kh và chị S thống nhất đã xây dựng 01 nhà bán kiên cố lợp tôn, trần nhựa; công trình phụ; tường bao; bể nước ngầm; nhà vệ sinh tổng trị giá 105.882.000 đồng; Số tiền gốc và lãi gửi ngân hàng 600.189.000 đồng, tiền bán vịt 40.000.000 đồng được tổng trị giá 2.584.792.000 đồng. Cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 95 Luật hôn nhân và gia đình chia chị S và anh Kh mỗi người ½ tài sản chung giá trị 1.292.396.000 đồng là có căn cứ.

[14] Chia hiện vật: Xét yêu cầu chia tài sản bằng hiện vật thấy theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thấy tại thửa đất số 642, tờ bản đồ số 12 gồm một ngôi nhà hai tầng và 01 gian nhà mai bằng một tầng không tiếp giáp có thể phân chia mà không ảnh hưởng đến giá trị sử dụng công trình nên yêu cầu chia tài sản bằng hiện vật của anh chị là phù hợp được chấp nhận. Cấp sơ thẩm căn cứ vào công sức của anh chị trong việc tạo lập thửa đất, nhu cầu và điều kiện thực tế anh Kh đang sống và quản lý các công trình do anh chị xây dựng tại diện tích đất của gia đình

anh Kh trong khi chị S là phụ nữ không có chỗ ở khác để giao chị S quyền sử dụng đất cùng tài sản trên đất là nhà hai tầng và giao anh Kh quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là nhà một tầng, bể nước mưa tại tiểu khu 2, khu H, thị trấn V đồng thời giao anh Kh sở hữu toàn bộ công trình xây dựng trên đất của mẹ anh Kh là phù hợp thực tế và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Giá trị tài sản giao chị S nhiều hơn giá trị tài sản giao anh Kh nên cấp sơ thẩm buộc chị S phải thanh toán trả anh Kh chênh lệch tài sản số tiền 358.511.000 đồng là đúng quy định.

[15] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, tại cấp phúc thẩm không có tình tiết mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Kh và chị S.

[16] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa không phù hợp pháp luật nên không được chấp nhận.

[17] Án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên anh Kh, chị S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của anh Kh và yêu cầu xác định 08 cây vàng cùng số tiền 40.000.000 đồng là tài sản chung của chị Khuê nhưng không buộc các đương sự phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Đình Kh và chị Nguyễn Thị S, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2022/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên

Án phí: Anh Hoàng Đình Kh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0004584 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ; anh Kh đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm

Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0004579 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ; chị S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *Các đương sự;*
- *TAND huyện Tiên Lữ;*
- *Chi cục THADS huyện Ân thi;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Quang Tú